|  |  |
| --- | --- |
|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**  **BỘ MÔN NGÂN HÀNG** |

**Đề Cương Chi Tiết Học Phần**

**1. Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên học phần tiếng Việt | Tài chính cá nhân |
| Tên học phần tiếng Anh |  |
| Mã học phần | BFF1047 |
| Thuộc khối kiến thức | Kiến thức đại cương |
| Loại môn học | Bắt buộc |
| Trình độ | Đại học |
| Ngành học |  |
| Khóa học | 25 |
| Năm học |  |
| Học kỳ |  |
| Số tín chỉ | tín chỉ Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 tiết Tự học: 135 giờ |
| Môn học tiên quyết | Không |
| Môn học trước | Không |
| Môn học sau | Không |
| Môn học song hành | Không |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy |  |
| Các giảng viên trợ giảng |  |

**2. Mô tả môn học:**

(Nhập mô tả môn học)

**3. Tài liệu học tập:**

Giáo trình:

(Nhập ít nhất 2 Giáo trình chính)

Tài liệu khác:

(Nhập các tài liệu tham khảo)

**4. Mục tiêu môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu (COx) | Mô tả mục tiêu | CĐR của MH (CLOx) | TĐNL |
|  |  |  |  |

**5. Chuẩn đầu ra môn học:**

Sau khi hoàn thành môn học, Người học có thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR (CLOx) | Mô tả CĐR | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOx) | Mức độ đạt (I, R, M) |
|  |  |  |  |

**6. Đánh giá kết quả học tập:**

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.  
+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.  
+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

Bảng đánh giá thành phần:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phần đánh giá | Bài đánh giá | CĐR môn học | Tiêu chí đánh giá | Thời lượng đánh giá | Trọng số | Trọng số con |
|  |  |  |  |  |  |  |

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại | Thang điểm hệ 10 | Thang điểm hệ 100 | Thang điểm hệ 4 (Điểm số) | Thang điểm hệ 4 (Điểm chữ) |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
|  | < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

**7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết:**

Lý thuyết:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần/Buổi | Nội dung | CĐR môn học | Hoạt động dạy và học | Hoạt động đánh giá |
|  |  |  |  |  |

Thực hành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần/Buổi | Nội dung | CĐR môn học | Hoạt động dạy và học | Hoạt động đánh giá |
|  |  |  |  |  |

**8. Tổng thời lượng học tập:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Hình thức | Hoạt động dạy và học | Số lần | Thời lượng (giờ) | Tổng thời lượng (giờ) |
| Thời lượng học trên lớp (bao gồm tuần thi) |  |  |  |  |
| Tự học ngoài giờ |  |  |  |  |
| Bài tập tình huống |  |  |  |  |
| Bài luận |  |  |  |  |
| Bài thuyết trình |  |  |  |  |
| Dự án nhóm |  |  |  |  |
| Khác (ghi rõ) |  |  |  |  |
| Thi giữa kỳ |  |  |  |  |
| Thi cuối kỳ |  |  |  |  |
|  | Tổng thời lượng |  |  |  |
|  | Tổng thời lượng/… giờ |  |  |  |
|  | Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS |  |  |  |

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

**9. Quy định của môn học:**

- Sinh viên nộp trễ hạn bài tập trên LMS sẽ bị trừ 50% số điểm của bài tập đó.  
- Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0.  
- Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

**10. Phụ trách môn học:**

- Khoa: Tài chính - Ngân hàng

- Bộ môn:

- Email liên hệ:

**11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 30/05/2025**

**12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày: 30/05/2025**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *TP. Hồ Chí Minh, ngày …… tháng …… năm ……* |
| Giảng viên biên soạn | Trưởng khoa/Bộ môn |